TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2021/KDTM-PT
Ngày: 14-4-2021
V/v: *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Toàn
Các thẩm phán: Ông Trần Thanh Phong
Ông Nguyễn Trung Hưng

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Đức Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Trần Thanh Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 4 năm 2021 tại Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 22/2020/TLPT-KDTM ngày 08 tháng 12 năm 2020 về việc *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"*.

Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 03/2020/KDTM-ST ngày 10/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Đồng Nai bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 05/2021/QĐ-PT ngày 24/02/2021, quyết định hoãn phiên tòa số 08/2021/QĐ-PT ngày 23/3/2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần S (tên viết tắt S).

Địa chỉ: số 266 – 268, đường N, Phường 8, Quận 3, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D, chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền lại: ông Phạm Quang Đ, chức vụ: Trưởng phòng giao dịch Đ – Ngân hàng S Đồng Nai.

(Giấy ủy quyền số: 3979/2020/QĐ-PL ngày 28/12/2020)

2. Bị đơn:

+ Ông Hà Duy H, sinh năm: 1965.

+ Bà Nguyễn Thị Kim N, sinh năm: 1970.

Cùng địa chỉ: số 80/2, ấp D, xã N, huyện C, tỉnh Đồng Nai.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Hoàng Văn H1, sinh năm: 1961.

+ Bà Hoàng Thị N1, sinh năm: 1967.

Cùng địa chỉ: ấp D, xã N, huyện C, tỉnh Đồng Nai.

+ Ông Hoàng Văn K, sinh năm: 1964.

Địa chỉ: ấp D, xã N, huyện C, tỉnh Đồng Nai.

+ Bà Nguyễn Thị Cẩm Đ, sinh năm: 1977.

Địa chỉ: số 385/72, khu phố 7, Phường H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

4. Người kháng cáo:

- Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần S.

- Bị đơn ông Hà Duy H.

(Ông Đ, ông H, bà N, bà Đ1 có mặt; ông H1, bà N1, ông K vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

+ Theo án sơ thẩm, nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần S có ông Phạm Quang Đ đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 19/12/2015 Ngân hàng TMCP S- Chi nhánh Đồng Nai ký kết hợp đồng tín dụng số LD1535200280 với cho ông Hà Duy H và bà Nguyễn Thị Kim N vay số tiền 300.000.000 đồng, mục đích vay là bổ sung vốn chăn nuôi heo, lãi suất vay 03 tháng đầu 12%/năm, kỳ điều chỉnh đầu tiên áp dụng từ tháng thứ 04 trở đi bằng lãi suất huy động tiết kiệm cá nhân NVĐ kỳ hạn 13 tháng lãi suất cuối kỳ + biên độ 4,5%/năm, chu kỳ điều chỉnh 03 tháng/ lần, thời hạn vay 36 tháng.

Để đảm bảo cho khoản vay trên ông H, bà N đã thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất theo hợp đồng thế chấp số:1519/TC được công chứng tại Văn Phòng công chứng X, tỉnh Đồng Nai ngày 19/12/2015. Tài sản thế chấp là thửa đất số 293 tờ bản đồ số 21 xã N, huyện C, tỉnh Đồng Nai, đất được UBND huyện C cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 186719 ngày 06/01/2005 và được đăng ký thế chấp tại Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai, Chi nhánh C ngày 19/12/2015.

Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng ông H, bà N đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi suất đến hạn theo thỏa thuận của Hợp đồng mà hai bên đã ký kết. Cụ thể, ông H, bà N chỉ thanh toán được một phần nợ gốc khi đến hạn tổng cộng là 74.999.997 đồng và tiền lãi vay là 30.384.752 đồng. Còn lại số nợ gốc là 225.000.003 đồng, lãi suất tồn đọng tính đến ngày 08/11/2016 là 2.345.056 đồng và

lãi suất phát sinh từ ngày 09/11/2016 đến nay không trả cho Ngân hàng. Mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần nhắc nhở và đôn đốc việc trả nợ nhưng ông H, bà N1 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng.

Tính đến ngày mở phiên tòa sơ thẩm 10/9/2020 ông H và bà N còn nợ Ngân hàng TMCP S tổng số tiền 385.727.249 đồng, trong đó nợ gốc là 225.000.003 đồng và 160.727.246 đồng tiền lãi suất.

Ngân hàng thương mại cổ phần S đề nghị Tòa án buộc ông H, bà N phải thanh toán toàn bộ nợ gốc và lãi suất là 385.727.249 đồng và lãi suất tính từ ngày 11/9/2020 cho đến khi thanh toán xong theo hợp đồng tín dụng số LD1535200280 ngày 19/12/2015. Trường hợp ông H, bà N không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, đề nghị Tòa án cho Ngân hàng được yêu cầu thi hành án phát mãi tài sản thế chấp của ông H và bà N là thửa đất số 293 tờ bản đồ số 21 xã N, huyện C, tỉnh Đồng Nai để thu hồi nợ. trường hợp số tiền phát mãi tài sản thế chấp không đủ để thanh toán hết khoản nợ trên thì ông H và bà N vẫn phải có nghĩa vụ tiếp tục trả hết khoản nợ theo quy định.

Yêu cầu Tòa án buộc ông H và bà N phải thanh toán tiền chi phí tố tụng 2.000.000 đồng mà Ngân hàng đã nộp tạm ứng để thực hiện thủ tục xem xét, thẩm định tại chỗ.

+ Theo án sơ thẩm, bị đơn ông Hà Duy H, bà Nguyễn Thị Kim N trình bày:

Ông bà thống nhất với lời trình bày của Ngân hàng thương mại cổ phần S về số tiền gốc đã vay, mục đích vay, lãi suất vay và thời hạn vay theo như hợp đồng tín dụng số LD 1535200280 ngày 19/12/2015 được ký kết giữa vợ chồng ông và Ngân hàng. Ông bà xác định từ khi vay đến nay vợ chồng ông bà mới thanh toán cho Ngân hàng được số tiền gốc là 74.999.997 đồng và tiền lãi vay là 30.384.752 đồng, số tiền gốc còn nợ lại là 225.000.003 đồng và tiền lãi suất theo hợp đồng tín dụng từ khi vi phạm nghĩa vụ cho đến nay chưa thanh toán cho Ngân hàng như Ngân hàng đã trình bày.

Nay ông H và bà N đồng ý thanh toán toàn bộ nợ gốc và lãi suất là 385.727.249 đồng theo hợp đồng tín dụng LD 1535200280 ngày 19/12/2015 cho Ngân hàng thương mại cổ phần S. Trường hợp ông H, bà N không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì ông bà đồng ý để Ngân hàng phát mãi tài sản thế chấp là thửa đất số 293 tờ bản đồ số 21 xã N, huyện C, tỉnh Đồng Nai mà ông bà đã thế chấp cho Ngân hàng theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 1519/TC ngày 19/12/2015 để thu hồi nợ.

Ông bà không đồng ý thanh toán tiền chi phí tố tụng 2.000.000 đồng cho Ngân hàng vì đây là do Ngân hàng khởi kiện thì Ngân hàng phải chịu.

+ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hoàng Văn H1 và bà Hoàng Thị N1 trình bày:

Quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 293 tờ bản đồ số 21 xã N, huyện C, tỉnh Đồng Nai mà ông H và N thế chấp cho Ngân hàng thương mại cổ phần S để đảm bảo vay tiền, có nguồn gốc do ông H1 nhận chuyển nhượng lại của ông Nguyễn Công H2 và bà Nguyễn Thị S vào tháng 6 năm 1999, việc chuyển nhượng hai bên có làm giấy tờ tay, nhưng chưa hoàn tất thủ tục. Cuối năm 1999 em trai ông H1 tên Hoàng Văn K là Việt kiều về nước chung sống như vợ chồng với bà Nguyễn Thị Cẩm Đ1 và mượn diện tích đất mà ông H1 đã nhận chuyển nhượng của ông H2, bà S để sinh sống. Năm 2003 giữa bà Cẩm Đ1 và ông K tranh chấp tài sản với nhau, năm 2004 bà Cẩm Đ1 tự ý chuyển nhượng diện tích 261m^2 thuộc thửa đất số 293 tờ bản đồ số 21, xã N cho ông Hà Duy H, thửa đất này được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông H, bà N.

Ngày 20/11/2005 ông H1 khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện C yêu cầu bà Cẩm Đ1 trả lại diện tích 261m^2 thuộc thửa đất số 293 tờ bản đồ số 21, xã N mà ông đã cho ông K mượn để sinh sống.

Ngày 04/9/2007, Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm bằng bản án số 37/2007/DSST chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H1, hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với diện tích 261m^2 thuộc thửa đất số 293 tờ bản đồ số 21, xã N giữa ông H và bà Cẩm Đ1. Sau đó bà Đ1 kháng cáo theo trình tự phúc thẩm.

Ngày 27/5/2008, Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm bằng bản án số 118/2008/DS- PT, chấp nhận kháng cáo của bà Đ1, sửa bản án sơ thẩm, bác yêu cầu khởi kiện của ông H1.

Ngày 16/5/2011 tại Quyết định kháng nghị số 315/2011/KN–DS ngày 16/5/2011 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao đề nghị Tòa dân sự Tòa án nhân dân tối cao xét xử giám đốc thẩm hủy bản án dân sự phúc thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

Tại Quyết định giám đốc thẩm số 671/2011/DS-GĐT ngày 24/8/2011 của Tòa Dân sự Tòa án nhân dân tối cao đã hủy bản án dân sự phúc thẩm số 118/2008/DS-PT ngày 27/5/2008 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

Ngày 03/7/2012, Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm lại bằng bản án số 121/2012/DS-PT, chấp nhận kháng cáo của bà Đ1, sửa bản án sơ thẩm, bác yêu cầu khởi kiện của ông H1. Nên ông tiếp tục khiếu nại theo trình tự Giám đốc thẩm.

Tại Quyết định giám đốc thẩm số 42/2016/DS-GĐT ngày 19/02/2016 của Ủy Ban Thẩm Phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã chấp nhận

kháng nghị số 168/2015/KN- DS ngày 29/5/2015 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao. Hủy bản án dân sự phúc thẩm số 121/2012/DS-PT ngày 03/7/2012 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

Ngày 29/11/2016, Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm lại bằng bản án số 276/2016/DS-PT, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H1, hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất có diện tích 261m^2 thuộc thửa đất số 293 tờ bản đồ số 21, xã N, ngày 09/10/2004 giữa bà Đ1 và ông H do vô hiệu. Giao cho vợ chồng ông H1, bà N1 được sử dụng diện tích 261m^2 thuộc thửa đất số 293 tờ bản đồ số 21, xã N và bản án này đã có hiệu lực pháp luật.

Hiện nay vợ chồng ông H1, bà N1 là người đang quản lý và sử dụng diện tích đất 261m^2 thuộc thửa đất số 293 tờ bản đồ số 21. Thời điểm ông H, bà N thế chấp quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 293 tờ bản đồ số 21 cho Ngân hàng để vay tiền thì vợ chồng ông không biết. Đến tháng 01/2017 ông đi làm thủ tục sang tên quyền sử dụng đất mới biết việc thế chấp này. Nay đối với yêu cầu của Ngân hàng đề nghị phát mãi tài sản thế chấp là thửa đất số 293 tờ bản đồ số 21 xã N, huyện C ông bà không đồng ý, vì đây là tài sản của ông bà. Ông bà có ý kiến là đề nghị hủy hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 1519/TC ngày 19/12/2015, nhưng ông bà không có đơn khởi kiện đề nghị giải quyết trong vụ án này.

Ngày 10/5/2017 ông Hoàng Văn H1 và Hoàng Thị N1 có đơn xin giải quyết vắng mặt.

+ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Cẩm Đ1 trình bày:

Nguồn gốc quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 293 tờ bản đồ số 21 xã N, huyện C, tỉnh Đồng Nai là do bà chuyển nhượng lại của ông Hoàng Văn H1 nhưng không nhớ rõ năm nào, sau đó bà đã chuyển nhượng lại thửa đất này cho ông Hà Duy H và bà Nguyễn Thị Kim N. Năm 2005 ông Hoàng Văn H1 bắt đầu khởi kiện yêu cầu bà trả lại diện tích đất 261m^2 thuộc thửa đất số 293 tờ bản đồ số 21 xã N, vụ án bắt đầu xét xử sơ thẩm lần đầu vào năm 2007, do bản án có kháng cáo và kháng nghị nhiều lần nên kéo dài đến ngày 29/11/2016, Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm lại bằng bản án số 276/2016/DS-PT, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H1, hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất có diện tích 261m^2 thuộc thửa đất số 293 tờ bản đồ số 21 xã N ngày 09/10/2004 giữa bà và ông Hoàng do vô hiệu. Giao cho vợ chồng ông H1, bà N1 được sử dụng diện tích 261m^2 thuộc thửa đất số 293 tờ bản đồ số 21, xã N và bản án này đã có hiệu lực pháp luật.

Việc ông Hà Duy H và Nguyễn Thị Kim N thế chấp cho Ngân hàng thương mại cổ phần S diện tích 261m^2 thuộc thửa đất số 293 tờ bản đồ số 21, xã N để đảm bảo vay tiền bà không biết. Trong vụ án này bà không có ý kiến và không tranh chấp gì đối với các yêu cầu khởi kiện của các đương sự trong vụ án.

Ngày 04/4/2017 bà có đơn xin giải quyết vắng mặt.

+ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hoàng Văn K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên không có lời trình bày trong hồ sơ vụ án.

Tại bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 03/2020/KDTM-ST ngày 10 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Đồng Nai tuyên xử:

- Căn cứ các điều 30, 35, 39, 147, 157,227, 228, 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ các điều 7, 91, 95 của Luật các tổ chức tín dụng;

- Căn cứ các điều 137, 342 và 411 của Bộ luật dân sự năm 2005.

- Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH12, ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần S.

- Buộc ông Hà Duy H và bà Nguyễn Thị Kim N phải thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S số tiền nợ gốc là 225.000.003 đồng và tiền lãi suất đến ngày xét xử sơ thẩm là 160.727.246 đồng. Tổng cộng số tiền là: 385.727.249 đồng.

Kể từ sau ngày xét xử sơ thẩm, ông Hà Duy H và bà Nguyễn Thị Kim N còn phải tiếp tục chịu lãi suất theo mức lãi suất của hợp đồng tín dụng số LD 1535200280 ngày 19/12/2015 được ký kết giữa ông H, bà N và Ngân hàng Thương mại cổ phần S cho đến khi thanh toán xong.

- Buộc ông Hà Duy H và bà Nguyễn Thị Kim N phải trả cho Ngân hàng Thương mại Thương mại cổ phần S số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 2.000.000 đồng (*hai triệu đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án phải chịu lãi suất của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

2/ Không chấp nhận yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất có diện tích 261m^2 thuộc thửa đất số 293 tờ bản đồ số 21 xã N, huyện C, tỉnh Đồng Nai theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 1519/TC ngày 19/12/2015 để đảm bảo thu hồi nợ của Ngân hàng thương mại cổ phần S.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

+ Ngày 22/9/2020, nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần S kháng cáo bản án sơ thẩm phần không chấp nhận tài sản thế chấp của bị đơn được đảm bảo thi hành án và yêu cầu cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

+ Ngày 18/9/2020, bị đơn ông Hà Duy H kháng cáo bản án sơ thẩm đề nghị xem xét lại phần tài sản là quyền sử dụng đất ông bà đã thế chấp cho Ngân hàng được đảm bảo thi hành án và phần án phí, chi phí tố tụng sơ thẩm.

Tại phiên tòa, người kháng cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Các bên đương sự không thỏa thuận được về việc giải quyết vụ án. Không đương sự nào cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ mới.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai:

+ Về tố tụng: Người tham gia tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn làm đơn kháng cáo trong hạn luật định và đúng quy định pháp luật nên được xem xét.

+ Về đường lối giải quyết: Qua chứng cứ tại hồ sơ thể hiện nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần S có đơn kiến nghị xem xét theo thủ tục giám đốc thẩm đối với Bản án số 276/2016/DS-PT ngày 29/11/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai nhưng hiện nay Viện kiểm sát nhân dân Tối cao chưa giải quyết, vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử Tạm ngừng phiên tòa chờ kết quả giải quyết của Viện kiểm sát nhân dân Tối cao nên phần quan điểm giải quyết vụ án Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai không có ý kiến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần S và bị đơn ông Hà Duy H làm trong thời hạn và đúng quy định của pháp luật nên được chấp nhận để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về thủ tục tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hoàng Văn H1, bà Hoàng Thị N1, ông Hoàng Văn K đã được tống đạt hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự mở phiên tòa phúc thẩm xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết, đương sự trong vụ án: Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng và đầy đủ.

[4] Về nội dung: Qua chứng cứ tại hồ sơ vụ án và lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa thể hiện vào ngày 19/12/2015 giữa Ngân hàng thương mại cổ phần S- Phòng giao dịch Đ và ông H, bà N đã ký kết hợp đồng tín dụng số LD1535200280, ông H, bà N vay số tiền 300.000.000 đồng, mục đích vay là bổ sung vốn chăn nuôi heo, lãi suất vay 03 tháng đầu 12%/năm, kỳ điều chỉnh đầu tiên áp dụng từ tháng thứ 04 trở đi bằng lãi suất huy động tiết kiệm cá nhân NVĐ kỳ hạn 13 tháng lãi suất cuối kỳ + biên độ 4,5%/năm, chu kỳ điều chỉnh 03 tháng/lần; thời hạn vay 36 tháng. Quá trình thực hiện hợp đồng, ông H, bà N đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi suất theo thỏa thuận của hợp đồng, tính đến ngày xét xử sơ thẩm (10/9/2020) ông H, bà N còn nợ Ngân hàng tổng số tiền 385.727.249 đồng, trong đó nợ gốc là 225.000.003 đồng và 160.727.246 đồng tiền lãi suất, vì vậy Ngân hàng yêu cầu Tòa án buộc ông H, bà N thanh toán toàn bộ nợ gốc và lãi suất là 385.727.249 đồng và lãi suất tính từ ngày 11/9/2020 cho đến khi thanh toán xong theo hợp đồng tín dụng số LD 1535200280 ngày 19/12/2015. Về phía ông H, bà N xác định lời trình bày của Ngân hàng là đúng và đồng ý chịu trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền 385.727.249 đồng, trong đó nợ gốc là 225.000.003 đồng và 160.727.246 đồng tiền lãi suất.

Cấp sơ thẩm đã giải quyết chấp nhận phần yêu cầu này của Ngân hàng, buộc ông H, bà N có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền nợ gốc và lãi suất 385.727.249 đồng và phải tiếp tục chịu lãi suất theo hợp đồng tín dụng hai bên đã ký kết kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc là có căn cứ, đúng quy định pháp luật và phần này các đương sự không kháng cáo nên Hội đồng xét xử không xem xét lại.

Theo đơn kháng cáo và tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần S yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất có diện tích 261m^2 thuộc thửa đất số 293, tờ bản đồ số 21 xã N, huyện C, tỉnh Đồng Nai theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 1519/TC ngày 19/12/2015 được đảm bảo thu hồi nợ cho nguyên đơn vì nguyên đơn đã thực hiện việc thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất của bị đơn đúng quy định pháp luật, còn bị đơn ông Hoàng đề nghị cấp phúc thẩm xem xét lại phần tài sản là quyền sử dụng đất bị đơn đã thế chấp cho nguyên đơn được đảm bảo thi hành án và phần án phí, chi phí tố tụng với lý do, nguyên đơn khởi kiện nên nguyên đơn phải chịu chi phí tố tụng và án phí.

Xét kháng cáo của các đương sự: Qua chứng cứ tại hồ sơ vụ án và lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa thể hiện cả nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất đồng ý phát mãi tài sản thế chấp là thửa đất số 293 tờ bản đồ số 21 xã N, huyện C, tỉnh Đồng Nai, theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 1519/TC ngày 19/12/2015 để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

Xét thấy, hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và việc đăng ký thế chấp đối với tài sản đảm bảo thế chấp được các bên thực hiện đầy đủ, đúng thủ tục theo quy định pháp luật. Tuy nhiên tại thời điểm ký hợp đồng thế chấp ngày 19/12/2015 thì quyền sử dụng đất này đang xảy ra tranh chấp và đang được giải quyết trong vụ án dân sự do Chánh án Tòa án nhân dân tối cao có Quyết định kháng nghị số 168/2015/KN- DS ngày 29/5/2015 đề nghị Hủy bản án dân sự phúc thẩm số 121/2012/DS - PT ngày 03/7/2012 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai và tại Quyết định giám đốc thẩm số 42/2016/DS – GĐT ngày 19/02/2016 của Ủy Ban Thẩm Phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã chấp nhận kháng nghị số 168/2015/KN- DS ngày 29/5/2015 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, hủy bản án dân sự phúc thẩm số 121/2012/DS-PT ngày 03/7/2012 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm lại theo quy định của pháp luật. Ngày 29/11/2016 Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm lại bằng bản án dân sự số 276/2016/DS – PT và đã tuyên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Văn H1, hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất có diện tích 261m^2 thuộc thửa đất số 293, tờ bản đồ số 21, xã N ngày 09/10/2004 giữa bà Nguyễn Thị Cẩm Đ1 và ông Hà Duy H do vô hiệu. Giao cho vợ chồng ông H1, bà N1 được tiếp tục sử dụng diện tích 261m^2 thuộc thửa đất số 293 tờ bản đồ số 21, xã N và bản án này đã có hiệu lực pháp luật.

Qua lời trình của nguyên đơn tại hồ sơ vụ án thể hiện tại thời điểm Ngân hàng và ông H, bà N ký hợp đồng thế chấp đối với thửa đất số 293 tờ bản đồ số 21 xã N, Ngân hàng không biết quyền sử dụng đất này có tranh chấp và đang được Tòa án giải quyết. Còn ông H, bà N thừa nhận quyền sử dụng đất mà vợ chồng ông đã thế chấp để vay tiền của Ngân hàng là do ông H1 khởi kiện bà Cẩm Đ1 về việc đòi lại quyền sử dụng đất này nên vợ chồng ông được đưa vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Vụ án kéo dài bắt đầu xét xử sơ thẩm từ năm 2007 tại Tòa án nhân dân huyện C đến năm 2016, ông bà xác định đã nhận tất cả các bản án, quyết định liên quan đến vụ án ông H1 khởi kiện bà Cẩm Đ1 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn có đơn đề nghị kháng nghị đối với bản án dân sự phúc thẩm số 276/2016/DS – PT ngày 29/11/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai, ngày 19/4/2019 Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại thành phố hồ Chí Minh có Thông báo số 135/TB-VC3-V4-DS về việc không kháng nghị giám đốc thẩm theo đơn yêu cầu của nguyên đơn và ngày 05/5/2020 Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh có Công văn số 152/CV-TANDCC trả lời đối với đơn đề nghị kháng nghị của nguyên đơn quá thời hạn nộp đơn nên Tòa án cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh không có căn cứ để thụ lý, giải quyết đơn của nguyên đơn theo thủ tục giám đốc thẩm, như vậy hiện bản án dân sự phúc thẩm số 276/2016/DS – PT ngày 29/11/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai đang có hiệu lực thi hành.

Từ những chứng cứ trên cho thấy, ông H, bà N biết rõ quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 293 tờ bản đồ số 21 xã N đang có tranh chấp và đang được Tòa án tiến hành xem xét, giải quyết nhưng ông H, bà N vẫn không thông báo cho Ngân

hàng biết và cố tình thế chấp quyền sử dụng đất này để bảo đảm cho khoản tiền vay còn về phía Ngân hàng không xác minh, xem xét kỹ đối với tài sản thế chấp mà căn cứ vào biên bản xác nhận của UBND xã Nhân Nghĩa vào năm 2012 để ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 1519/TC ngày 19/12/2015. Do đó, hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 1519/TC ngày 19/12/2015 ký kết giữa Ngân hàng và ông H, bà N là vô hiệu ngay từ khi ký kết.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy cấp sơ thẩm đã nhận định hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 1519/TC ngày 19/12/2015 ký kết giữa Ngân hàng và ông H, bà N vô hiệu và không chấp nhận yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp là thửa đất số 293, tờ bản đồ số 21 xã N, huyện C, tỉnh Đồng Nai để đảm bảo thu hồi nợ của Ngân hàng thương mại cổ phần S là có cơ sở.

[5] Về cách tuyên:

Như đã nhận định ở trên hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 1519/TC ngày 19/12/2015 ký kết giữa Ngân hàng và ông H, bà N là vô hiệu, các bên giao trả cho nhau những gì đã nhận. Theo chứng cứ có tại hồ sơ và lời trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa thể hiện, bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 186719 ngày 06/01/2005 do ông H bà N đứng tên hiện Ngân hàng đang giữ. Cấp sơ thẩm không tuyên buộc Ngân hàng trả lại ông H, bà N giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 186719 ngày 06/01/2005 là thiếu sót, không đúng theo quy định tại các điều 350, 357 Bộ luật dân sự năm 2005. Vì vậy sửa bản án sơ thẩm về cách tuyên cho đúng.

[6] Về chi phí tố tụng: Tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn yêu cầu xem xét lại chi phí tố tụng, xét thấy việc cấp sơ thẩm xem xét thẩm định tại chổ đối với thửa đất số 293, tờ bản đồ số 21 xã N là để xem xét, giải quyết yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp là thửa đất số 293, tờ bản đồ số 21 xã N để đảm bảo thu hồi nợ của nguyên đơn, tuy nhiên phần yêu cầu này của nguyên đơn không được chấp nhận như đã nhận định ở trên, do đó căn cứ vào khoản 1 Điều 157 Bộ luật Tố tụng dân sự thì nguyên đơn phải chịu chi phí tố tụng. Cấp sơ thẩm buộc bị đơn phải chịu chi phí tố tụng là không có cơ sở, do đó phần kháng cáo này của bị đơn là có căn cứ nên chấp nhận và sửa bản án sơ thẩm theo hướng buộc nguyên đơn phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 2.000.000 đồng.

[7] Về án phí:

- Án phí sơ thẩm: Do phần yêu cầu tranh chấp về hợp đồng tính dụng của nguyên đơn được chấp nhận nên cấp sơ thẩm giải quyết buộc ông Hoàng và bà Nga phải chịu 385.727.249 đồng x 5% = 19.286.362,45 đồng (làm tròn thành 19.286.000 đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là đúng quy định pháp luật, vì vậy phần kháng cáo này của bị đơn là không có cơ sở chấp nhận.

- Án phí phúc thẩm: Do kháng cáo của Ngân hàng thương mại cổ phần S không được chấp nhận nên phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm theo quy định.

Kháng cáo của ông H được chấp nhận một phần và sửa bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm nên ông H không phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm.

Đối với nghĩa vụ chịu lãi chậm thanh toán phát sinh từ ngày xét xử cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ theo mức lãi suất thỏa thuận của hợp đồng, Hội đồng xét xử áp dụng Án lệ số 08/2016/AL của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao thông qua ngày 17/8/2016 và công bố theo Quyết định số 698/QĐ.CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao để tính lãi chậm trả.

Từ những phân tích ở trên, Hội đồng xét xử xét thấy, cấp sơ thẩm đã giải quyết tranh chấp và án phí sơ thẩm phù hợp với quy định pháp luật nên không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, đối với kháng cáo của bị đơn cấp sơ thẩm xử lý chi phí tố tụng và cách tuyên án không đúng nên chấp nhận kháng cáo của bị đơn, sửa bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm thẩm số 03/2020/KDTM-ST ngày 10 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Đồng Nai.

+ Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm: Đề nghị Tạm ngừng phiên tòa chờ kết quả giải quyết của Viện kiểm sát nhân dân Tối cao, Hội đồng xét xử xét thấy, quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần S có đơn kiến nghị xem xét theo thủ tục giám đốc thẩm đối với Bản án số 276/2016/DS-PT ngày 29/11/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai, ngày 19/4/2019 Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại thành phố hồ Chí Minh có Thông báo số 135/TB-VC3-V4-DS về việc không kháng nghị giám đốc thẩm theo đơn yêu cầu của nguyên đơn, ngày 05/5/2020 Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh có Công văn số 152/CV-TANDCC trả lời đối với đơn đề nghị kháng nghị của nguyên đơn quá thời hạn nộp đơn nên Tòa án cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh không có căn cứ để thụ lý, giải quyết đơn của nguyên đơn theo thủ tục giám đốc thẩm ngày và ngày 28/11/2019 Viện kiểm sát nhân dân Tối cao có Công văn số 5739/VKSTC-V9 về việc "xử lý đơn kiến nghị của Ngân hàng thương mại cổ phần S" thể hiện, Viện kiểm sát nhân dân Tối cao đang xem xét, phân loại, xử lý đơn theo quy định, không phải thụ lý đơn của Ngân hàng để giải quyết, do đó đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm là không phù hợp nên không chấp nhận.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của Ngân hàng thương mại cổ phần S; Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Hà Huy H; Sửa Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 03/2020/KDTM-ST ngày 10 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Đồng Nai.

- Căn cứ các điều 30, 35, 39, 147, 157, 227, 228, 266, khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ các điều 91, 95 của Luật các tổ chức tín dụng;
- Căn cứ các điều 137, 342, 350, 357 và 411 Bộ luật dân sự năm 2005.
- Án lệ số 08/2016/AL của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao thông qua ngày 17/8/2016 và công bố theo Quyết định số 698/QĐ.CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.
- Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Toà án; Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần S.

Buộc ông Hà Duy H và bà Nguyễn Thị Kim N có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S số tiền nợ gốc 225.000.003 đồng và tiền lãi suất đến ngày xét xử sơ thẩm là 160.727.246 đồng. Tổng cộng: 385.727.249 đồng.

Không chấp nhận yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 186719 ngày 06/01/2005 do ông H, bà N đứng tên, có diện tích 261m^2 thuộc thửa đất số 293, tờ bản đồ số 21 xã N, huyện C, tỉnh Đồng Nai theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 1519/TC ngày 19/12/2015 để đảm bảo thu hồi nợ của Ngân hàng thương mại cổ phần S.

Ngân hàng thương mại cổ phần S phải trả lại cho ông Hà Duy H và bà Nguyễn Thị Kim N bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 186719 ngày 06/01/2005 do UBND huyện C cấp cho ông H, bà N.

+ Về chi phí tố tụng: Ngân hàng thương mại cổ phần S phải chịu 2.000.000 đồng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ. (Ngân hàng thương mại cổ phần S đã nộp đủ).

+ Về án phí:

- Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Ông H và bà N phải chịu 19.286.000 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S số tiền tạm ứng án phí đã nộp 5.684.000 đồng theo biên lai thu tiền số 003846 ngày 29/12/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Đồng Nai.

- Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm:

Ngân hàng Thương mại cổ phần S phải chịu 2.000.000 đồng án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.000.000 đồng theo biên lai thu số 0002073 ngày 29/9/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Đồng Nai. Ngân hàng Thương mại cổ phần S đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

Hoàn trả cho Ông H số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 2.000.000 đồng theo biên lai thu số 0002095 ngày 07/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Đồng Nai.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014).

Những quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TAND cấp huyện;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Chi cục THADS cấp huyện;
- Đương sự trong vụ án;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)
Võ Văn Toàn